Market Highlight

19 May 2014

HOSE 19/05/2014

VNINDEX	533.04	3.55	0.67%

KLGD	106,137,980	CP
GTGD	1,520.62	Tỷ
GTR NDTNN	141.98	Tỷ

CP Tăng giá	163	CP
CP Giảm giá	68	CP
CP Đứng giá	73	CP

HNX 19/5/2014

HNXINDEX	72.64	0.33	0.46%

KLGD	58,436,075	CP
GTGD	484.91	Tỷ
GTR NDTNN	39.18	Tỷ

CP Tăng giá	147	CP
CP Giảm giá	61	CP
CP Đứng giá	171	CP

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	589.31	7.38	1.27%
HNX30	142.09	1.12	0.80%

Tâm điểm

- **Thị trường tiếp tục hồi phục với thanh khoản gia tăng nhẹ**
- **Thanh khoản thị trường gia tăng nhẹ**
  Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 2,000 tỷ đồng
- **Dự báo chỉ số giá tiêu dùng tháng 5 sẽ tăng nhẹ**
  Theo Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính
  Trí Thức Trẻ
- **Tăng trưởng tín dụng đang bị thách thức**
  Báo cáo về hoạt động ngân hàng 4 tháng đầu năm của NHNN chi nhánh TP.HCM
  Thời Báo Ngân hàng
- **Thương mại của khu vực đồng euro suy yếu**
  Trong tháng 3, thặng dư thương mại của EU giảm từ 21.9 tỷ euro xuống 17.1 tỷ euro
  The Financial Times
- **KDC: Quý I lãi trước thuế 51 tỷ đồng, tăng 5.5% cùng kỳ**
  Được biết, năm 2014, KDC đặt kế hoạch doanh lợi nhuận trước thuế đạt 660 tỷ đồng
  Người Đồng Hành
- **VIC: VIC lãi ròng 1,068.3 tỷ đồng trong quý 1/2014**
  Tăng 304% so với cùng kỳ năm 2013
  Đầu tư Chứng khoán

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	935,230	13.0	2.8	21.1%	10.8%
HNX	116,854	17.7	1.5	7.2%	3.9%
Toàn bộ thị trường	**1,052,084**	**13.7**	**2.7**	**20.4%**	**10.2%**
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	7,158	6.1	0.9	16.0%	10.8%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,033	6.8	1.4	21.2%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	33,562	19.9	1.9	17.9%	7.6%
Khai khoáng	11,698	51.6	5.1	1.8%	1.3%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	18,452	16.7	1.3	15.3%	8.7%
Xây dựng	25,663	- 27.5	1.0	-5.0%	1.5%
Máy công nghiệp	7,157	5.6	1.1	20.8%	14.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,260	10.1	1.3	16.1%	12.0%
Lốp xe	6,323	7.7	2.1	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	13,300	10.6	1.2	14.2%	6.5%
Thực phẩm	189,845	22.1	4.7	21.7%	16.7%
Dược phẩm	14,184	11.3	2.9	25.3%	16.6%
Phần mềm	15,432	9.5	2.0	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	20,954	8.8	1.1	13.8%	7.6%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	174,109	14.6	4.6	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	25,314	20.5	2.0	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	20,535	11.4	1.1	8.2%	6.0%
Ngân hàng	235,887	10.6	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	131,743	11.5	2.6	32.2%	7.0%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,767	9.1	1.8	20.6%	8.5%

VietinBankSc
306 Ba Trieu
Hai Ba Trung
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

Sac Q. Nguyen
sacnq@vietinbanksc.com.vn

▶ Tin kinh tế

Dự báo chỉ số giá tiêu dùng tháng 5 sẽ tăng nhẹ

Theo Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính), chỉ số giá tiêu dùng tháng 5 sẽ tăng nhẹ so với tháng 4. Cụ thể, giá một số hàng hóa, dịch vụ như thực phẩm, dịch vụ ăn uống ngoài gia đình, vận tải hành khách, du lịch… trong dịp nghỉ lễtăng sẽ tác động đến chỉ số giá nhóm hàng ăn, dịch vụ ăn uống và giao thông. Bên cạnh đó, tác động theo độ trễ của việc điều chỉnh tăng giá xăng dầucuối tháng 4 đến nhóm nhiên liệu trong tháng 5, cùng với việc tăng cường thực hiện đúng quy định về trọng tải đối với các phương tiện vận chuyển đường bộ cũng ảnh hưởng nhất định đến chi phí vận chuyển hàng hóa trong thời gian tiếp theo.

Tăng trưởng tín dụng đang bị thách thức

Báo cáo về hoạt động ngân hàng 4 tháng đầu năm của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chi nhánh TP.HCM cho thấy, dư nợ tín dụng 4 tháng đạt 965,000 tỷ đồng, trong đó, dư nợ cho vay 5 nhóm ngành, lĩnh vực ưu tiên chỉ đạt hơn 137,000 tỷ đồng. Trong khi đó, dư nợ tín dụng 6 tháng cuối năm 2013 và 4 tháng đầu năm 2014 đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa gần như không tăng trưởng, thậm chí bằng 0.

Thương mại của khu vực đồng euro suy yếu

Tổ chức Eurostat cho biết, hoạt động thương mại của khu vực đồng euro vốn đang suy giảm nhanh chóng ngay cả trước khi căng thẳng giữa khu vực này và Nga leo thang sau vụ sáp nhập Crimea. Tổng thặng dư thương mại của 18 nước trong khu vực đồng euro giảm từ 21.9 tỷ euro xuống 17.1 tỷ euro (23.4 tỷ USD); giá trị xuất khẩu giảm 0.5% trong khi nhập khẩu giảm 0.6% trong tháng 3

Sac Q. Nguyen
sacnq@vietinbanksc.com.vn

▶ Tin doanh nghiệp

TCL: Lãi hợp nhất quý 1 đạt 20.6 tỷ đồng

CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dở Tân Cảng (HOSE: TCL) vừa công bố Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2014. Theo đó, trong quý 1, doanhh thu thuần tăng 19%, giá vốn hàng bán chỉ tăng 14% đã khiến cho lợi nhuận gộp tăng mạnh 43% khi đạt 35.9 tỷ đồng. Tuy nhiên, doanh thu tài chính chỉ 4.2 tỷ đồng, giảm 72% so với cùng kỳ năm trước; chi phí quản lý tăng gấp rưỡi, lên 9.6 tỷ đồng. Do đó, lãi ròng chỉ còn đạt 20.6 tỷ đồng, giảm 11.3% so với cùng kỳ và thực hiện được 24.2% kế hoạch năm. Tính đến cuối quý 1/2014, các khoản phải thu ngắn hạn tăng gấp rưỡi so với đầu năm, lên 232.3 tỷ đồng. Nợ ngắn hạn tăng 15.1%, lên 204.8 tỷ đồng.

KDC: Quý I lãi trước thuế 51 tỷ đồng, tăng 5.5% cùng kỳ

CTCP Kinh Đô (HOSE: KDC) cho biết, trong quý 1/2014, biên lợi nhuận gộp giảm từ 37.9% xuống 35.8% do chi phí lương cơ bản và giá đầu vào bao bì sản phẩm tăng lên. Tỷ lệ chi phí bán hàng và quản lý trên doanh thu giảm từ 32.2% xuống còn 31.4%. Tỷ lệ chi phí bán hàng giảm từ 22.3% xuống còn 19.6% do quá trình quản lý chi phí tiếp tục phát huy hiệu quả và chi phí liên quan đến các hoạt động bán hàng Tết cũng được ghi nhận trong quý 4 năm ngoái. Chi phí quản lý tăng lên từ mức 9.9% lên 11.8% do công ty tiếp tục đầu tư vào hệ thống quản lý nhà phân phối (DMS), và các thiết bị công nghệ cho đội ngũ bán hàng để gia tăng năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống phân phối. Lợi nhuận trước thuế của 3 tháng đầu năm 2014 đạt 51 tỷ đồng, tăng 5.5% so với năm ngoái.

VIC: VIC lãi ròng 1,068.3 tỷ đồng trong quý 1/2014

Tập đoàn Vingroup (HOSE: VIC) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý I/2014 với các chỉ tiêu tăng trưởng rất mạnh. Cụ thể, trong quý I/2014, VIC đạt 6,175 tỷ đồng doanh thu thuần hợp nhất, tăng 527% so với cùng kỳ năm 2013. Trong đó, doanh thu chuyển nhượng bất động sản chiếm phần lớn với 4,871 tỷ đồng, chủ yếu đến từ hai dự án Times City và Royal City. Ngoài ra, các mảng doanh thu trong kỳ khác của VIC cũng đều tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận gộp theo đó tăng 359% đạt 2,409.7 tỷ đồng. Kết quả, VIC lãi ròng 1,068.3 tỷ đồng trong quý I/2014, tăng 304% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó phần lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ là 1,075.7 tỷ đồng, tăng 275%

Market Highlight

VietinBankSc

HOSE	19/05/2014	VNINDEX	533.04	3.55	0.67%	106,137,980 CP	1,520.62 bil VND

Thị trường tiếp tục hồi phục với thanh khoản gia tăng nhẹ

VN-Index tăng 3.55 điểm (+0.67%), đóng cửa tại mức 533.04 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, đóng cửa ở mức cao trong phiên.

- MACD có xu hướng tăng trở lại và sắp cho tín hiệu cắt đường tín hiệu. Đây là mộ dấu hiệu khá tích cực cho thị trường.
- Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng khá mạnh.
- RSI gia tăng lên mức 40.
- VN-Index quay trở lại vùng MA200 và cắt lên đường MA10, điều này cho thấy xu hướng thị trường đang tích cực trở lại.

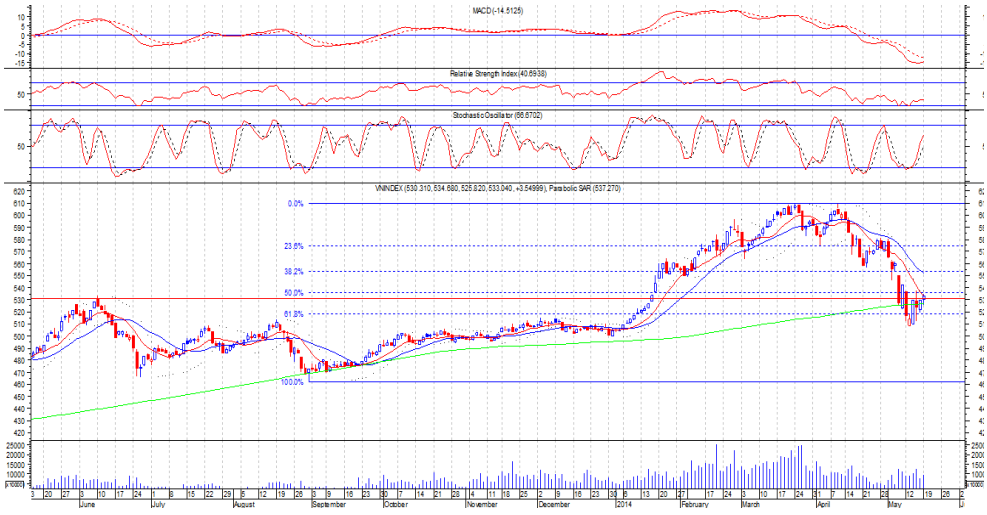

HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.5 (6.0%)	12,777,430
ITA	0.5 (6.7%)	9,120,590
HQC	0.4 (6.8%)	5,232,230
HAG	-0.2 (-0.8%)	2,557,910
TDC	0.3 (2.7%)	2,474,020

HOSE Top 5 theo % tăng

GTT	0.3 (7.0%)	887,800
KSA	0.5 (6.9%)	1,198,030
HSI	0.2 (6.9%)	24,570
MCG	0.4 (6.9%)	925,830
NVT	0.4 (6.9%)	197,000

HOSE Top 5 theo % giảm

LM8	-1.4 (-7.0%)	5,620
SAV	-1.1 (-6.9%)	6,940
CYC	-0.4 (-6.7%)	9,190
EMC	-0.3 (-6.5%)	870
GIL	-1.6 (-6.5%)	20

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

ITA	26,0	tỷ	3,308,990
HPG	17,4	tỷ	360,320
PVD	17,1	tỷ	211,510
GAS	16,2	tỷ	184,790
VCB	12,3	tỷ	454,710

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

NSC	-22,2	tỷ	300,000
AGM	-2,0	tỷ	156,700
HVG	-1,4	tỷ	64,900
DPM	-1,3	tỷ	42,840
HBC	-0,8	tỷ	55,350

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	7,991,480	141.98

Nhận định / Bình luận thị trường

- Cũng giống như phiên giao dịch cuối tuần, thị trường giao dịch giằng co ở phiên sáng và tích cực dần vào cuối phiên. Đà tăng lan rộng ở phiên buổi chiều.
- KLGD gia tăng dần và đạt 94 triệu đơn vị. Khối lượng giao dịch có dấu hiệu cải thiện nhẹ như hiện nay là một tín hiệu khá tích cực.
- Khối ngoại tiếp tục mua ròng 142 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng tiếp tục tạo niềm tin khá tốt giúp nâng đỡ TT trong giai đoạn này.
- VN-Index đang tăng giảm đan xen quanh vùng MA200. Đà hồi phục có thể diễn ra tuy nhiên tâm lý NĐT vẫn khá yếu khi phụ thuộc nhiều vào diễn biến ở Biển Đông.
- Nếu đà tăng vẫn diễn ra tốt với sự gia tăng của thanh khoản thì NĐT có thể xem xét mua vào dần. Tuy nhiên, việc h/chế GD vẫn cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	87.5	165,812.50	15.0	4.8	33.4%	22.6%
VNM	833.4	122.0	101,679.35	15.8	5.4	36.4%	29.1%
MSN	734.9	92.5	67,979.30	202.8	4.6	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	27.4	63,497.23	14.2	1.4	10.4%	1.0%
VIC	908.8	67.0	60,887.09	8.8	4.2	54.2%	10.3%
CTG	3,723.4	15.3	56,968.09	9.1	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.5	40,762.44	8.9	1.2	14.2%	0.8%
BVH	680.5	37.7	25,653.77	20.5	2.0	10.0%	2.3%
HPG	481.9	49.1	23,661.80	9.6	2.2	25.0%	10.7%
PVD	275.3	81.5	22,433.54	10.4	2.2	21.7%	9.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	12.6	2,930.76	11.8	1.0	NA	TH.DOI
FPT	343.9	44.0	15,131.57	9.4	2.0	NA	TH.DOI
CII	112.9	17.3	1,952.50	13.9	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	65.0	2,956.10	7.8	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.7	650.03	4.6	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.2	502.50	1.8	0.8	NA	TH.DOI

Market Highlight

HNX	19/05/2014	HNX-Index	72.64	0.33	0.46%	58,436,075 CP	**484.91** bil. VND

Thị trường tiếp tục hồi phục với thanh khoản gia tăng nhẹ

Chỉ số HNX-Index tăng 0.33 điểm (+0.46%), đóng cửa tại mốc 72.64 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến ngắn, đóng cửa ở mức cao trong phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng khá mạnh.
- MACD đi lên và tăng khả năng cắt đường tín hiệu. Đây là một tín hiệu khá tích cực.
- RSI (14) tăng lên mức 38.
- Đường giá bắt đầu cắt lên đường MA10, điều này cho thấy xu hướng thị trường đang tích cực trở lại.

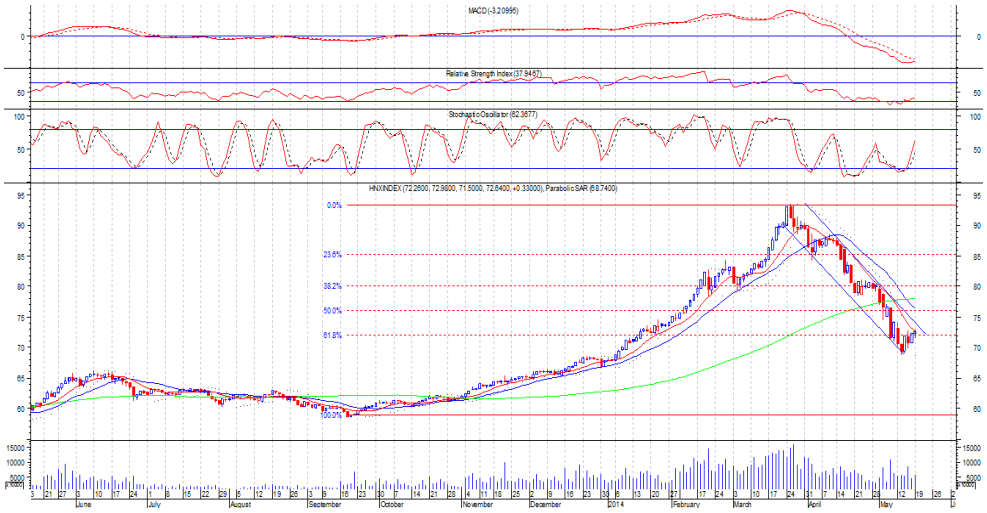

HNX Top 5 theo KLGD

SHB	0.1 (1.2%)	7,945,920
PVX	0 (0.0%)	6,172,320
SCR	0.1 (1.3%)	5,797,000
KLS	0.2 (2.1%)	4,607,260
KLF	0.1 (1.0%)	3,173,910

HNX Top 5 theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
BDB	0.6 (10.0%)	400
S12	0.4 (10.0%)	1,500
VIG	0.4 (10.0%)	1,126,200
SGC	2.9 (9.9%)	1,400

HNX Top 5 theo % giảm

NVC	-0.1 (-14.3%)	12,600
GGG	-0.1 (-10.0%)	39,450
MEC	-0.7 (-10.0%)	1,700
VTS	-1.2 (-10.0%)	400
NVB	-0.7 (-9.9%)	2,250

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

SHB	18,2	tỷ	2,146,200
VND	10,9	tỷ	744,300
PVS	4,7	tỷ	193,100
KLS	4,0	tỷ	409,000
VCG	1,7	tỷ	158,400

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-1,8	tỷ	122,700
EBS	-0,5	tỷ	73,000
PVX	-0,2	tỷ	55,300
SDT	-0,1	tỷ	10,000
LAS	-0,1	tỷ	3,300

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	3,548,100	39.18

Nhận định / Bình luận thị trường

- Cũng giống như phiên giao dịch cuối tuần, thị trường giao dịch giằng co ở phiên sáng và tích cực dần vào cuối phiên. Đà tăng lan rộng ở phiên buổi chiều.
- KLGD gia tăng dần và đạt 56 triệu đơn vị. Khối lượng giao dịch có dấu hiệu cải thiện nhẹ như hiện nay là một tín hiệu khá tích cực.
- Khối ngoại tiếp tục mua ròng 39 tỷ đồng trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng tiếp tục tạo niềm tin khá tốt giúp nâng đỡ TT trong giai đoạn này
- HNX-Index đang tăng giảm đan xen quanh vùng Fb 61,8%. Đà hồi phục có thể diễn ra tuy nhiên tâm lý NĐT vẫn khá yếu, phụ thuộc vào diễn biến ở Biển Đông.
- Nếu đà tăng vẫn diễn ra tốt với sự gia tăng của thanh khoản thì NĐT có thể xem xét mua vào dần. Tuy nhiên, việc h/chế GD vẫn cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.4	14,010.62	18.4	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	24.7	11,033.50	7.3	1.3	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	- 265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	8.6	7,620.32	9.3	0.7	7.9%	0.7%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	35.1	2.3	6.3%	3.1%
VCG	441.7	10.9	4,814.65	10.7	0.9	8.3%	1.8%
PVI	225.4	17.9	4,034.91	14.5	0.7	4.6%	2.1%
NTP	43.3	71.5	3,098.67	10.6	2.4	23.8%	16.0%
LAS	77.8	38.2	2,973.18	6.7	2.1	33.5%	17.5%
VNR	100.8	25.9	2,611.44	8.7	1.1	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.0	1,026.00	6.5	1.1	NA	TH.DOI
AAA	19.8	16.8	332.64	6.3	0.6	NA	TH.DOI
VND	96.9	14.6	1,415.27	10.1	1.1	NA	TH.DOI
NTP	43.3	71.5	3,098.67	10.6	2.4	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.1	755.00	9.0	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.5	303.19	6.1	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	15.35%	92.5	202.80	4.55	196,245	157,797	377,112
VIC	HOSE	908.8	60,887.09	14.46%	67.0	8.78	4.18	554,382	599,860	514,696
HPG	HOSE	481.9	23,661.80	11.74%	49.1	9.59	2.20	820,461	695,824	825,840
PVD	HOSE	275.3	22,433.54	8.68%	81.5	10.40	2.15	475,086	441,707	512,658
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	8.01%	31.0	6.24	1.35	1,594,372	1,474,878	1,384,008
HAG	HOSE	718.2	17,594.79	7.98%	24.5	14.61	1.34	4,664,246	3,623,716	4,547,855
VCB	HOSE	2,317.4	63,497.23	6.11%	27.4	14.20	1.42	937,665	813,721	939,305
STB	HOSE	1,142.5	20,793.71	4.13%	18.2	9.50	1.26	843,088	650,683	1,030,547
BVH	HOSE	680.5	25,653.77	3.08%	37.7	20.54	2.02	673,573	539,147	526,702
ITA	HOSE	718.1	5,744.60	2.71%	8.0	94.87	0.69	6,621,324	6,364,352	10,017,891
HSG	HOSE	96.3	4,497.82	2.68%	46.7	10.61	1.88	231,795	205,334	274,498
GMD	HOSE	114.4	3,238.13	2.26%	28.3	16.96	0.73	426,309	362,755	438,587
PPC	HOSE	318.2	6,522.17	2.03%	20.5	7.11	1.15	740,778	622,734	967,069
VSH	HOSE	206.2	3,052.37	1.74%	14.8	14.68	1.18	720,907	507,184	878,537
CSM	HOSE	67.3	2,489.80	1.64%	37.0	6.50	1.86	458,498	431,483	662,789
KBC	HOSE	289.8	2,897.61	1.48%	10.0	37.97	0.69	1,031,692	897,838	1,422,292
DRC	HOSE	83.1	3,555.56	1.33%	42.8	9.11	2.38	287,967	264,696	381,263
PVT	HOSE	232.6	2,930.76	1.18%	12.6	11.84	1.00	800,173	721,274	1,946,303
DIG	HOSE	143.0	2,102.04	1.01%	14.7	37.56	0.86	478,166	349,271	785,139
OGC	HOSE	300.0	3,120.00	0.91%	10.4	54.71	0.95	3,028,436	2,596,436	3,537,187
PET	HOSE	69.8	1,096.52	0.87%	15.7	7.18	0.86	545,774	542,299	791,764

Công ty quản lý	**DB Platinum Advisors**	Ngày lập quỹ	**15/01/2008**	SLCKVN	**22/22**
Chỉ số tham chiếu	**FTST Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**14/05/2007**	TGTTSQL	**361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,033.50	5.37%	24.7	7.26	1.29	2,572,360	2,369,314	2,941,824
VIC	HOSE	908.8	60,887.09	8.00%	67.0	8.78	4.18	554,382	599,860	514,696
VCB	HOSE	2,317.4	63,497.23	7.00%	27.4	14.20	1.42	937,665	813,721	939,305
BVH	HOSE	680.5	25,653.77	6.50%	37.7	20.54	2.02	673,573	539,147	526,702
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	5.79%	31.0	6.24	1.35	1,594,372	1,474,878	1,384,008
STB	HOSE	1,142.5	20,793.71	4.26%	18.2	9.50	1.26	843,088	650,683	1,030,547
PVD	HOSE	275.3	22,433.54	3.22%	81.5	10.40	2.15	475,086	441,707	512,658
ITA	HOSE	718.1	5,744.60	3.73%	8.0	94.87	0.69	6,621,324	6,364,352	10,017,891
SHB	HNX	886.1	7,620.32	2.86%	8.6	9.32	0.71	9,195,832	7,468,490	10,417,121
PPC	HOSE	318.2	6,522.17	1.58%	20.5	7.11	1.15	740,778	622,734	967,069
OGC	HOSE	300.0	3,120.00	2.33%	10.4	54.71	0.95	3,028,436	2,596,436	3,537,187
GMD	HOSE	114.4	3,238.13	1.62%	28.3	16.96	0.73	426,309	362,755	438,587
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	8.00%	92.5	202.80	4.55	196,245	157,797	377,112
HAG	HOSE	718.2	17,594.79	2.83%	24.5	14.61	1.34	4,664,246	3,623,716	4,547,855
DRC	HOSE	83.1	3,555.56	1.28%	42.8	9.11	2.38	287,967	264,696	381,263
VCG	HNX	441.7	4,814.65	3.58%	10.9	10.71	0.86	2,314,806	1,884,965	3,557,717
PVT	HOSE	232.6	2,930.76	2.05%	12.6	11.84	1.00	800,173	721,274	1,946,303

Công ty quản lý	**Van Eck Global**	Ngày lập quỹ	**08/11/2009**	SLCKVN	**17/27**
Chỉ số tham chiếu	**Market Vector Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**24/11/2008**	TGTTSQL	**439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	60,887.09	0.00%	67.0	8.78	4.18	554,382	599,860	514,696
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	0.00%	92.5	202.80	4.55	196,245	157,797	377,112
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	0.00%	31.0	6.24	1.35	1,594,372	1,474,878	1,384,008
HAG	HOSE	718.2	17,594.79	0.00%	24.5	14.61	1.34	4,664,246	3,623,716	4,547,855
VCB	HOSE	2,317.4	63,497.23	0.00%	27.4	14.20	1.42	937,665	813,721	939,305
STB	HOSE	1,142.5	20,793.71	0.00%	18.2	9.50	1.26	843,088	650,683	1,030,547
BVH	HOSE	680.5	25,653.77	0.00%	37.7	20.54	2.02	673,573	539,147	526,702
CTG	HOSE	3,723.4	56,968.09	0.00%	15.3	9.05	1.04	651,265	596,579	1,091,181
GAS	HOSE	1,895.0	165,812.50	0.00%	87.5	14.99	4.75	697,168	548,300	433,848

Công ty quản lý	**Royal Bank of Scotland**	Ngày lập quỹ	**19/09/2011**	SLCKVN	**9/142**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier Markets Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,979.30	0.81%	92.5	202.80	4.55	196,245	157,797	377,112
VIC	HOSE	908.8	60,887.09	0.55%	67.0	8.78	4.18	554,382	599,860	514,696
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	0.26%	31.0	6.24	1.35	1,594,372	1,474,878	1,384,008
VCB	HOSE	2,317.4	63,497.23	0.20%	27.4	14.20	1.42	937,665	813,721	939,305
STB	HOSE	1,142.5	20,793.71	0.14%	18.2	9.50	1.26	843,088	650,683	1,030,547
BVH	HOSE	680.5	25,653.77	0.10%	37.7	20.54	2.02	673,573	539,147	526,702

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ	**12/09/2012**	SLCKVN	**6/102**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier 100 Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	**MSCI VN Investable Market Indx**	Ngày lập chỉ số	**01/12/2010**	TGTTSQL	**4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,158	6.1	0.9	16.0%	10.8%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,033	6.8	1.4	21.2%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,471	19.5	0.6	3.0%	2.1%
Sản xuất giấy	690	7.1	0.7	11.4%	5.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	33,562	19.9	1.9	17.9%	7.6%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,588	4.0	0.7	18.0%	3.7%
Khai khoáng	11,698	51.6	5.1	1.8%	1.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	18,452	16.7	1.3	15.3%	8.7%
Xây dựng	25,663	- 27.5	1.0	-5.0%	1.5%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,011	6.9	1.0	16.9%	8.9%
Công nghiệp phức hợp	290	3.1	0.6	20.3%	14.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,541	9.4	0.9	7.8%	3.8%
Thiết bị điện	1,585	- 14.6	0.7	-0.9%	-1.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	38	23.8	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,157	5.6	1.1	20.8%	14.3%
Vận tải					
Vận tải thủy	6,838	- 2.3	0.8	3.5%	1.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,260	10.1	1.3	16.1%	12.0%
Dịch vụ vận tải	5,116	7.6	1.3	18.3%	10.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,889	10.4	1.3	11.9%	4.4%
Đào tạo & Việc làm	186	18.7	0.5	4.6%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	162	7.5	0.7	10.4%	4.5%
Chất thải & Môi trường	167	2.5	0.8	35.8%	16.9%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,011	19.7	1.7	13.7%	7.9%
Lốp xe	6,323	7.7	2.1	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,396	7.1	1.1	15.4%	8.8%
Vang & Rượu mạnh	234	9.3	1.6	20.0%	12.5%
Đồ uống & giải khát	263	7.5	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,300	10.6	1.2	14.2%	6.5%
Thực phẩm	189,845	22.1	4.7	21.7%	16.7%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	41	32.7	0.5	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	1,964	7.5	0.9	13.0%	6.4%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	127	3.2	1.1	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,703	7.4	1.3	18.0%	7.1%
Giầy dép	9	- 1.3	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,838	8.8	1.7	16.9%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	692	- 8.3	1.0	-1.0%	3.9%

Market Highlight

VietinBankSc

19 May 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	693	12.4	0.7	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	171	4.1	2.2	31.9%	13.1%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	157	7.4	1.0	13.2%	9.3%
Dược phẩm	14,184	11.3	2.9	25.3%	16.6%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	693	13.5	1.1	12.8%	8.4%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,085	8.4	1.3	14.9%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	988	7.9	0.9	11.9%	8.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	165	7.2	3.1	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,692	35.7	2.5	6.1%	3.2%
Dịch vụ giải trí	1,972	24.8	1.3	15.5%	13.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,100	25.9	1.8	14.7%	13.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	483	16.1	0.6	3.7%	1.3%
Internet	296	62.4	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	15,432	9.5	2.0	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	393	13.5	0.7	4.2%	1.6%
Thiết bị văn phòng	255	5.0	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	1,918	13.2	0.7	5.2%	3.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	20,954	8.8	1.1	13.8%	7.6%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	174,109	14.6	4.6	32.9%	22.1%
Nước	1,166	6.3	1.0	16.7%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,130	9.4	0.8	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,125	11.7	0.6	5.7%	2.7%
Tái bảo hiểm	2,611	8.7	1.1	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,314	20.5	2.0	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,030	54.7	1.0	1.7%	0.5%
Môi giới chứng khoán	20,535	11.4	1.1	8.2%	6.0%
Ngân hàng					
Ngân hàng	235,887	10.6	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	131,743	11.5	2.6	32.2%	7.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	5	8.9	0.5	5.5%	2.5%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,767	9.1	1.8	20.6%	8.5%

P/E: PE 4 quý gần nhất I **P/B**: Hệ số giá / Giá trị sổ sách I **ROE**: Lãi ròng / Vốn CSH I **ROA**: Lãi ròng / Tổng tài sản

- **Nguyễn Hữu Quang** — **Giám đốc Tư vấn Đầu tư**
  quangnh@vietinbanksc.com.vn

- **Nguyễn Quang Sắc** — sacnq@vietinbanksc.com.vn
  - Tổng hợp thông tin vĩ mô
  - Phân tích kỹ thuật
  - Nhận định, bình luận thị trường

- **Nguyễn Thu Hằng** — hangntt@vietinbanksc.com.vn
  - Ngân hàng
  - Thép và sản phẩm thép
  - Dược phẩm

- **Nguyễn Hoài Nam** — namnh@vietinbanksc.com.vn
  - Sản phẩm hóa dầu
  - Phân phối xăng dầu, khí đốt
  - Thiết bị và dịch vụ dầu khí

- **Vũ Ánh Nguyệt** — nguyetva@vietinbanksc.com.vn
  - Nhựa, cao su, sợi
  - Thực phẩm
  - Nuôi trồng nông và hải sản

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.